

| | | | |
|------------|-----------|---------|---------|
| Ngày | 8,250 VNĐ | | |
| 30/09/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 0.5% | -8.3% | -6.8% |

| | | |
|-------|-------|-------------------|
| Q3/24 | | |
| ROE | -3.6% | +/- YoY ▼ 3.8% |

| | | |
|----------|--------|--------------------------|
| Q3/24 | | |
| DT thuần | 185 | QoQ ▼ 33.0 ▼ 14.9% |
| | tỷ VNĐ | YoY ▼ 23.0 ▼ 10.9% |

| | | |
|----------|--------|-------------------------|
| 9T 2024 | | |
| DT thuần | 563 | YoY ▲ 49.0 ▲ 9.6% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | |
|--------|--------|--------------------------|
| Q3/24 | | |
| LN gộp | 40.1 | QoQ ▼ 41.4 ▼ 50.8% |
| | tỷ VNĐ | YoY ▼ 31.1 ▼ 43.7% |

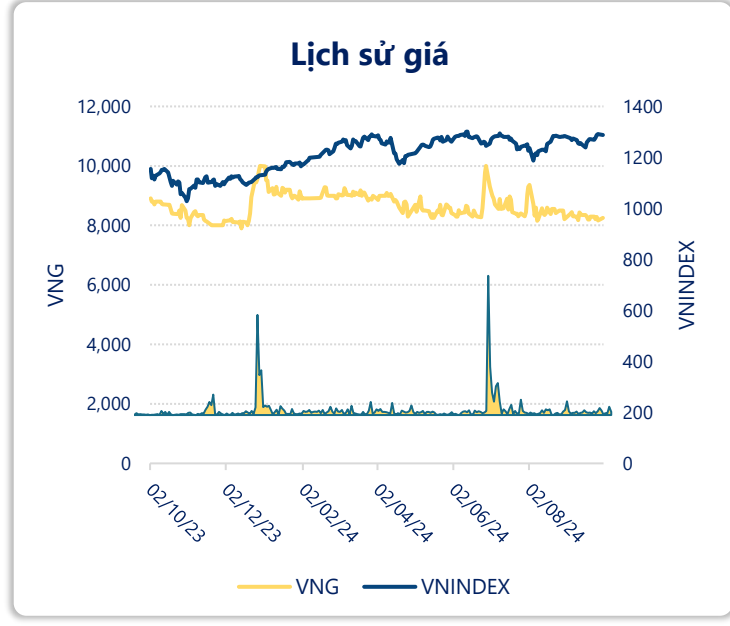
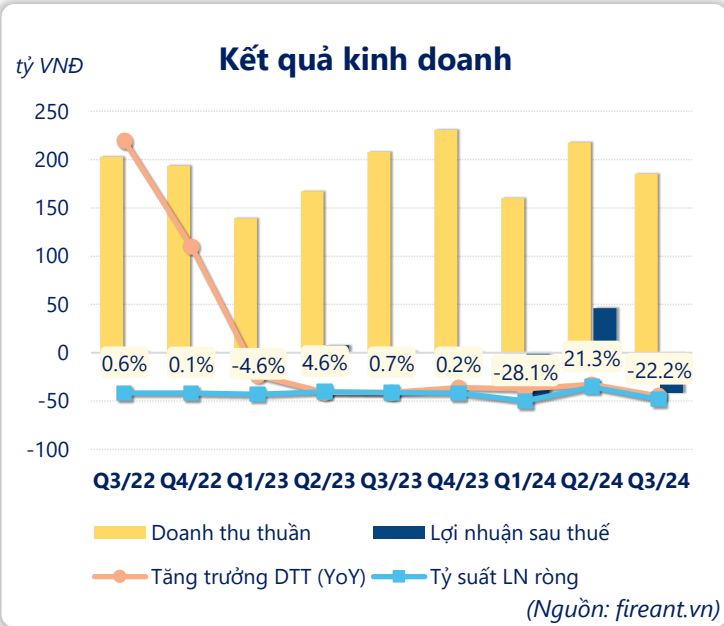
| | | |
|---------|--------|-------------------------|
| 9T 2024 | | |
| LN gộp | 156 | YoY ▼ 7.00 ▼ 4.1% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | |
|----------|--------|--------------------------|
| Q3/24 | | |
| LN thuần | -45.4 | QoQ ▼ 105 ▼ 176% |
| | tỷ VNĐ | YoY ▼ 48.4 ▼ 1612% |

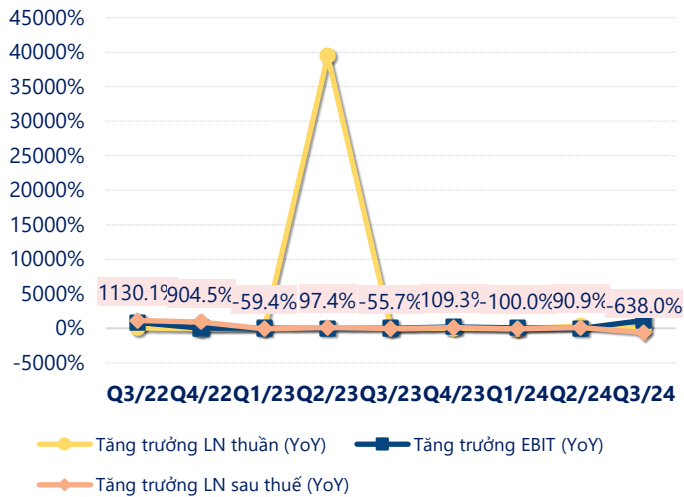
| | | |
|----------|--------|-------------------------|
| 9T 2024 | | |
| LN thuần | -29.6 | YoY ▼ 42.7 ▼ 327% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | |
|-------------|--------|--------------------------|
| Q3/24 | | |
| LN sau thuế | -41.7 | QoQ ▼ 88.0 ▼ 190% |
| | tỷ VNĐ | YoY ▼ 43.0 ▼ 3256% |

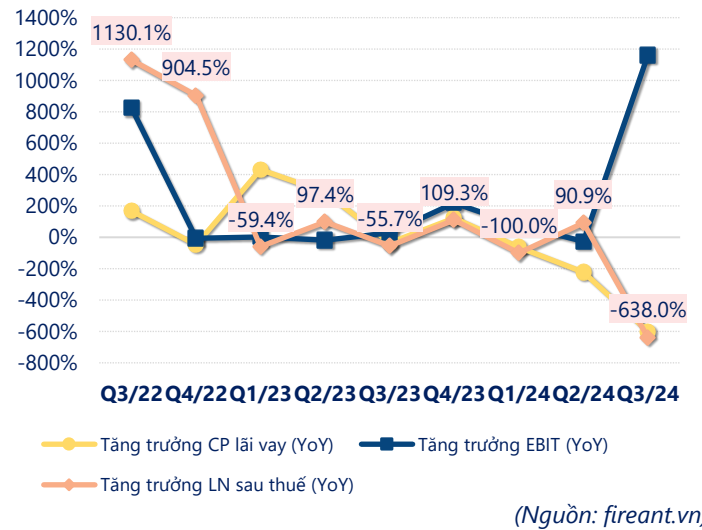
| | | |
|-------------|--------|--------------------------|
| 9T 2024 | | |
| LN sau thuế | -40.7 | YoY ▼ 43.1 ▼ 1776% |
| | tỷ VNĐ | |



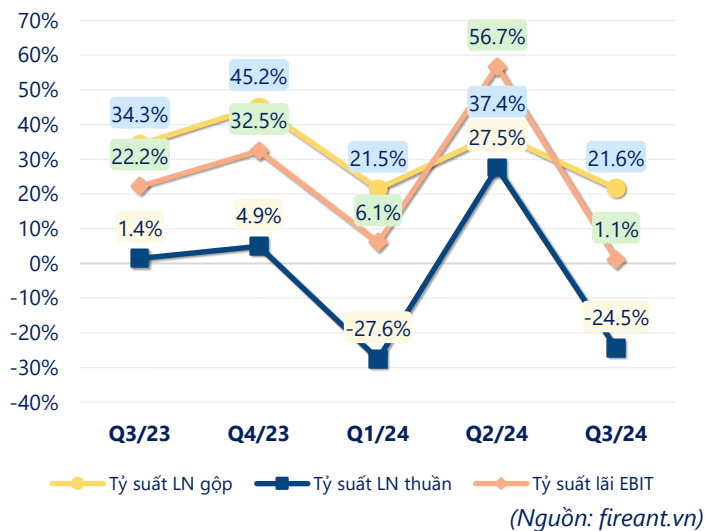
Tăng trưởng lợi nhuận



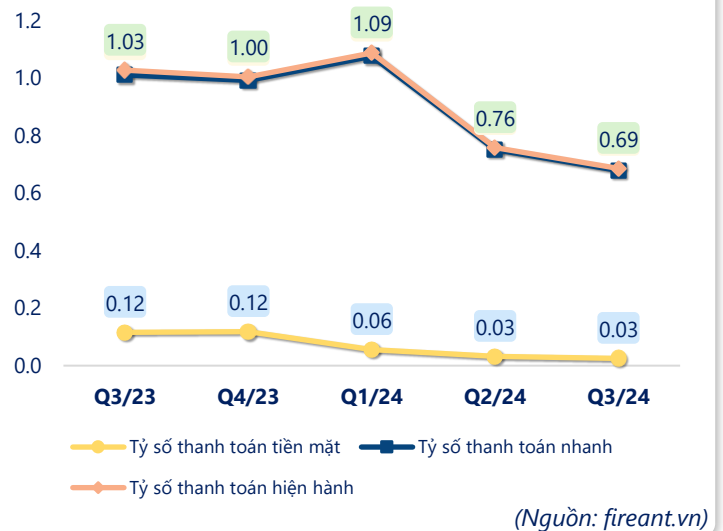
Tăng trưởng chi phí



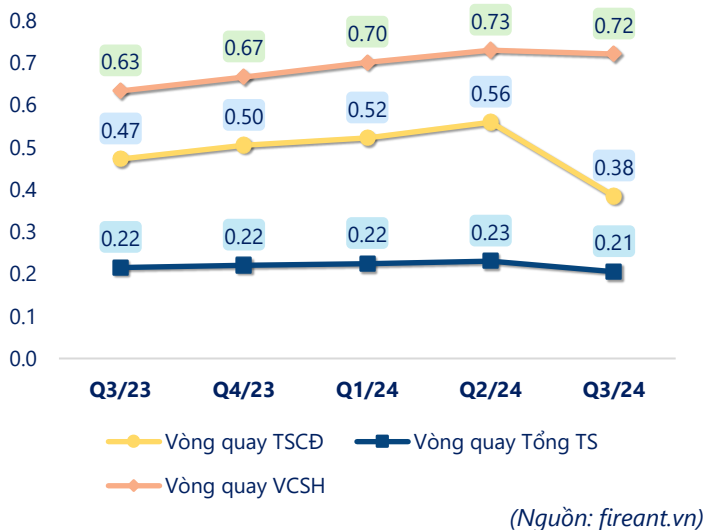
Tỷ suất lợi nhuận



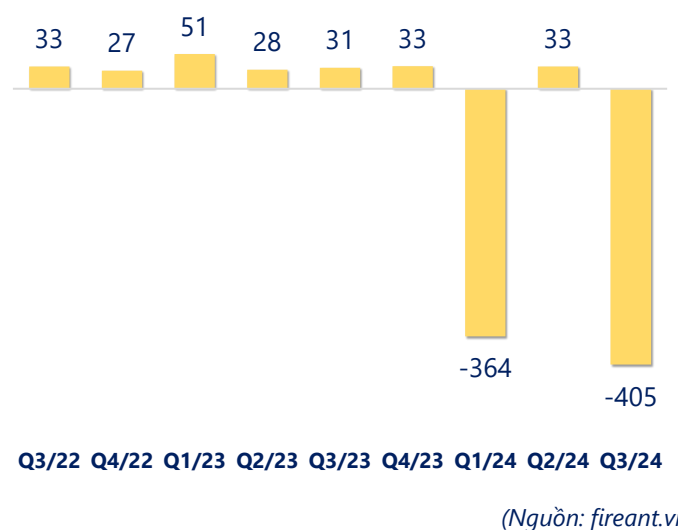
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|-------|-------|-----------------|---------|---------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 185 | 208 | -10.9% | 563 | 514 | 9.6% |
| Giá vốn hàng bán | 145 | 137 | 6.1% | 407 | 351 | 15.9% |
| Lợi nhuận gộp | 40.1 | 71.2 | -43.7% | 156 | 163 | -4.1% |
| Doanh thu HĐTC | 4.64 | 12.1 | -61.7% | 86.1 | 58.3 | 47.6% |
| Chi phí TC | 55.2 | 46.3 | 19.3% | 177 | 124 | 42.5% |
| Chi phí lãi vay | 52.1 | 43.4 | 20.1% | 169 | 117 | 44.3% |
| LN trong công ty LKLD | -3.66 | 0.73 | -601% | -10.6 | 9.21 | -215% |
| Chi phí bán hàng | 10.0 | 7.16 | 39.9% | 25.5 | 23.0 | 10.8% |
| Chi phí QLDN | 21.1 | 27.6 | -23.4% | 59.1 | 70.2 | -15.8% |
| LN thuần từ HĐKD | -45.4 | 3.00 | -1612% | -29.6 | 13.1 | -327% |
| Lợi nhuận khác | -4.70 | -0.24 | -1859% | -4.18 | -1.47 | -185% |
| LN trước thuế | -50.1 | 2.76 | -1914% | -33.8 | 11.6 | -391% |
| Lợi nhuận sau thuế | -41.7 | 1.32 | -3256% | -40.7 | 2.43 | -1776% |
| LNST của CĐ cty mẹ | -41.1 | 1.48 | -2877% | -39.9 | 2.73 | -1563% |

(Nguồn: fireant.vn)

